

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định, số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Ngân hàng TMCP Bản Việt,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là "Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt".
- Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29/04/2021 và thay thế Quyết định số 18/18/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng quản trị.
- Điều 4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và các cá nhân có liên quan của Ngân hàng TMCP Bản Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CBTT, đăng tải Website BVB
- Trang QLVB (Apps Portal);
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG
CHỦ TỊCH
(THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN)
BẢN VIỆT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ ANH TÀI

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân Hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/21/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt,
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng).
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các nghĩa vụ sau:
 - (a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định, quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế này, quy định của pháp luật và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và Cổ đông;
 - (b) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó;
 - (c) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các Tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng;
 - (d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - (e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
 - (f) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị trong Ngân hàng.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Ngân hàng và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - (a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ Ngân hàng;
 - (b) Có bằng đại học trở lên, hiểu biết về hoạt động ngân hàng:
 - (i) Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc
 - (ii) Có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần; hoặc
 - (iii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
 - (c) Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác.
 - (d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định Điều lệ Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - (a) Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - (b) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;

- (c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Ngân hàng, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - (d) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là cổ đông lớn của Ngân hàng, là Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;
 - (e) Không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; không cùng Người có liên quan theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng;
 - (f) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;
 - (g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định Điều lệ Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, phục vụ cuộc họp; triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định Điều lệ Ngân hàng. Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một Phó chủ tịch hoặc

một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ Ngân hàng;
 - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
3. Việc thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật liên quan.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật liên quan.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.



4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Sau khi có văn bản chấp thuận danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ chuyên môn;
 - (c) Quá trình công tác;
 - (d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - (e) Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
 - (f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
 - (g) Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Ngân hàng và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng;

- (b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- (c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- (d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Ngân hàng;
- (e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định;
- (f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- (g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng, giao dịch khác theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan;
- (i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Ngân hàng quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- (j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng;
- (k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- (l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- (m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- (n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng; yêu cầu phá sản Ngân hàng;
- (p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Ngân hàng;
- (q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.



4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - (b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật;
 - (c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.3 Điều lệ Ngân hàng; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - (d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c), điểm (d) khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - (a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;



- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định Điều lệ Ngân hàng bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.

Chương IV**CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
 - (b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - (c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật khác có liên quan.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn ½ (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - (e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Ngân hàng.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Thời gian, địa điểm họp;
 - (c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (đ), (e), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH



Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - (a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
 - (b) Báo cáo tài chính;
 - (c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
 - (d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm (a), (b) và (c) khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Ngân hàng không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Ngân hàng liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Ngân hàng có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm

- thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

- Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải kê khai cho Ngân hàng về các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản



trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mọi quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mọi quan hệ với Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....và thay thế Quyết định số 18/18/QĐ-HĐQT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị ngày 15/01/2018.
2. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
3. Điều khoản ưu tiên áp dụng:
 - (a) Trong trường hợp có những nội dung được quy định khác nhau giữa Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng thì ưu tiên áp dụng theo Điều lệ Ngân hàng.
 - (b) Trường hợp có những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng.
 - (c) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong Quy chế này và/hoặc trong trường hợp có những

quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Lê Anh Tài